

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ THÁI DƯƠNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

---

Tháng 3 năm 2016

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Võ Anh Thái	Chủ tịch
Ông Lê Minh Hiếu	Ủy viên
Bà Lê Thị Hồng Loan	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Minh Hiếu	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

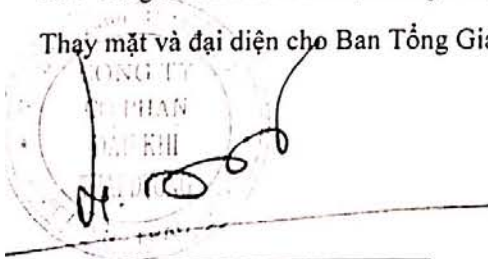
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Minh Hiếu**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 31 tháng 03 năm 2016



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

## International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số:167.03/2016/BCKT-IFC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2016 từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Như Phương**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2021-2013-072-01

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn  
Tài chính Quốc tế (IFC)**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016*

**Trần Thiện Thanh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2013-072-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>158.990.621.189</b>	<b>57.911.714.397</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>210.169.491</b>	<b>555.156.974</b>
1. Tiền	111	V.1	210.169.491	555.156.974
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>102.859.855.392</b>	<b>55.591.551.841</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	99.310.468.790	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		104.160	300.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	51.200.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	3.549.282.442	4.091.551.841
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>51.326.488.040</b>	<b>1.637.606.845</b>
1. Hàng tồn kho	141		51.438.696.075	2.128.719.674
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(112.208.035)	(491.112.829)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.594.108.266</b>	<b>127.398.737</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	100.931.764	127.398.737
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.493.176.502	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.108.380.814</b>	<b>16.299.364.012</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>560.000.000</b>	<b>560.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	560.000.000	560.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.004.484.816</b>	<b>5.128.901.078</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	2.954.484.828	3.928.901.079
- Nguyên giá	222		9.578.341.027	9.578.341.027
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.623.856.199)	(5.649.439.948)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.7	1.049.999.988	1.199.999.999
- Nguyên giá	225		1.500.000.000	1.500.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(450.000.012)	(300.000.001)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.543.895.998</b>	<b>10.610.462.934</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	9.543.895.998	10.610.462.934
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>173.099.002.003</b>	<b>74.211.078.409</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

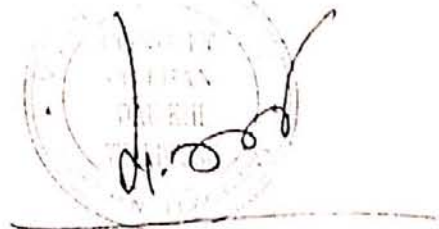
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>58.930.108.146</b>	<b>51.000.790.503</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.718.358.146</b>	<b>50.756.771.661</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	10.980.467.375	14.366.549.889
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	4.919.014
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.502.311.300	342.902.981
4. Phải trả người lao động	314		245.304.922	241.466.689
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	49.221.720	48.415.659
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	45.725.973.000	35.537.437.600
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		215.079.829	215.079.829
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>211.750.000</b>	<b>244.018.842</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	211.750.000	244.018.842
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>114.168.893.857</b>	<b>23.210.287.906</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>114.168.893.857</b>	<b>23.210.287.906</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.000.000.000	22.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.168.893.857	1.210.287.906
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.210.287.906	(885.112.990)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.958.605.951	2.095.400.896
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>173.099.002.003</b>	<b>74.211.078.409</b>



Lê Thị Hải  
 Người lập  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2016



Nguyễn Thị Linh Hương  
 Kế toán trưởng



Lê Minh Hiếu  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	110.586.863.821	120.247.917.092
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		110.586.863.821	120.247.917.092
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	102.909.021.796	119.928.476.741
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.677.842.025	319.440.351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.196.918.967	12.152.332.608
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.024.601.725	3.336.662.225
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.024.601.725	3.336.662.225
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.175.023.114	6.054.503.587
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.675.136.153	3.080.607.147
11. Thu nhập khác	31		150.000	700.000.000
12. Chi phí khác	32		225.634.287	1.163.595.465
13. Lợi nhuận khác	40		(225.484.287)	(463.595.465)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.449.651.866	2.617.011.682
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	1.491.045.915	521.610.786
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.958.605.951	2.095.400.896
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	876	952

Lê Thị Hải  
Người lập  
Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Linh Hương  
Kế toán trưởng

Lê Minh Hiếu  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.449.651.866	2.617.011.682
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.124.416.262	1.265.107.707
Các khoản dự phòng	03	(378.904.794)	491.112.829
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.196.918.967)	(11.764.446.989)
Chi phí lãi vay	06	3.024.601.725	3.336.662.225
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động	08	2.022.846.092	(4.054.552.546)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(8.761.480.053)	14.969.799.606
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(49.309.976.401)	5.881.296.230
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(3.411.463.873)	(13.996.699.365)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.093.033.909	1.191.787.864
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.024.601.725)	(3.121.582.396)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(306.530.957)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(61.698.173.008)	870.049.393
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(6.000.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	700.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(92.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	51.200.000.000	75.934.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(86.200.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	192.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.918.967	12.152.332.608
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.803.081.033)	(3.419.667.392)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	86.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	115.208.209.794	139.419.948.151
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(104.820.943.236)	(136.798.968.551)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(231.000.000)	(529.070.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	96.156.266.558	2.091.909.200
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(344.987.483)	(457.708.799)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	555.156.974	1.012.865.773
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	210.169.491	555.156.974

Lê Thị Hải  
 Người lập  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Linh Hương  
 Kế toán trưởng

Lê Minh Hiếu  
 Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

## **I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 14 ngày 11 tháng 08 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 14 ngày 11 tháng 08 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 108.000.000.000 đồng (một trăm lẻ tám tỷ đồng), tổng số cổ phần là 10.800.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 28 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 là 28 người).

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Mua bán khí đốt hóa lỏng;
- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn, chi tiết: Sản xuất, lắp ráp bếp gas và các phụ kiện bếp gas;
- Sửa chữa thiết bị khác, chi tiết: Sản xuất và sửa chữa bảo hành vỏ bình gas;
- Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ nạp bình gas và sản xuất chiết nạp đóng bình gas. Sản xuất, mua bán các sản phẩm điện, điện tử, tin học, viễn thông;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt bảo hành hệ thống gas dân dụng và công trình công nghiệp;
- Vận tải hành khách đường bộ khác, chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: Dịch vụ giao nhận và bốc xếp hàng hóa (không bao gồm dịch vụ bốc xếp hàng không);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán vỏ bình gas (LPG), bồn gas (LPG);
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán rượu, bia, nước giải khát, nước uống đóng chai, nước uống có gas;
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và các dịch vụ cho khách du lịch;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ, chi tiết: Trồng rừng và kinh doanh gỗ các loại, cao su, sản phẩm từ cao su;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, chi tiết: Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm;
- Chăn nuôi gia cầm, chi tiết: Chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), chi tiết: Sản xuất gia công hàng may mặc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, chi tiết: Kinh doanh máy móc thiết bị, máy móc xây dựng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: Kinh doanh phương tiện vận tải ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, chi tiết: Kiểm định chai chứa LPG;
- Bán buôn sắt, thép, chi tiết: Kinh doanh sắt thép các loại;
- Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác, chi tiết: Kinh doanh các loại than;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, chi tiết: Kinh doanh hóa chất, phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Kinh doanh nông, lâm sản;
- Bán buôn quặng kim loại, chi tiết: Kinh doanh khoáng sản; và
- Bán buôn thủy sản, chi tiết: Kinh doanh thủy sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Số năm

Máy móc và thiết bị

10

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng 1 lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm. Riêng vỏ bình gas phân bổ theo Thông tư 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2010 với thời gian trích phân bổ chi phí tối đa không vượt quá 15 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá bán hàng hóa LPG (ga hóa lỏng) của Công ty tuân thủ theo quy định tại thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá. Theo đó, trong năm 2015, Công ty đã thực hiện đăng ký đầy đủ giá bán gas với Sở Công thương tỉnh Bắc Giang và Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang trước mỗi lần thay đổi giá bán hàng hóa gas ra thị trường.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	149.370.984	475.176.516
Tiền gửi ngân hàng	60.798.507	79.980.458
<b>Cộng</b>	<b>210.169.491</b>	<b>555.156.974</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Khí đốt Thái Dương	4.469.362.569	-
Ông Nguyễn Mậu Hoàng (*)	94.200.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	641.106.221	-
<b>Cộng</b>	<b>99.310.468.790</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản phải thu ông Nguyễn Mậu Hoàng là tiền bán cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Âu theo hợp đồng mua bán cổ phần số 06/2015/HĐMB ngày 25 tháng 12 năm 2015, số lượng cổ phần giao dịch là 2.316.742 cổ phần, giá trị giao dịch 94.392.000.000 đồng. Ông Nguyễn Mậu Hoàng đã thanh toán toàn bộ công nợ trên qua qua ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Sở Giao dịch (92.190.000.000 đồng từ ngày 24 tháng 03 năm 2016 đến ngày 26 tháng 03 năm 2016) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Quang Trung (2.010.000.000 đồng ngày 23 tháng 03 năm 2016).

**3. Các khoản phải thu khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	3.500.000.000	4.000.000.000
Phải thu khác	49.282.442	91.551.841
<b>Cộng</b>	<b>3.549.282.442</b>	<b>4.091.551.841</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	560.000.000	560.000.000
<b>Cộng</b>	<b>560.000.000</b>	<b>560.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	240.166.171	-	290.927.924	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	46.226.900.000	-	-	-
Thành phẩm	6.039.891	-	-	-
Hàng hoá	4.965.590.013	(112.208.035)	1.837.791.750	(491.112.829)
<b>Cộng</b>	<b>51.438.696.075</b>	<b>(112.208.035)</b>	<b>2.128.719.674</b>	<b>(491.112.829)</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là thép tấm giao cho Công ty TNHH Thiên Mã gia công vỏ bình gas theo hợp đồng gia công vỏ bình gas LPG loại 12kg số 01/2015/TM-TD ngày 19 tháng 11 năm 2015. Số lượng vỏ bình gia công: 200.000 bình, đơn giá gia công 67.000 đồng/bình, nguyên vật liệu làm vỏ bình, tay xách, chân đế do Công ty Cổ phần Dầu Khí Thái Dương cung cấp.

**5. Chi phí trả trước**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí trả trước khác	100.931.764	127.398.737
<b>Cộng</b>	<b>100.931.764</b>	<b>127.398.737</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí trả trước khác	7.583.604	14.560.273
- Vỏ bình ga	9.536.312.394	10.595.902.661
<b>Cộng</b>	<b>9.543.895.998</b>	<b>10.610.462.934</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	4.789.296.019	4.004.291.403	496.141.483	288.612.122	9.578.341.027
Tại ngày 31/12/2015	4.789.296.019	4.004.291.403	496.141.483	288.612.122	9.578.341.027
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	2.684.942.590	2.429.593.269	293.049.211	241.854.878	5.649.439.948
Khấu hao trong năm	475.293.239	368.187.358	99.228.297	31.707.358	974.416.251
Tại ngày 31/12/2015	3.160.235.829	2.797.780.627	392.277.508	273.562.236	6.623.856.199
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	2.104.353.429	1.574.698.134	203.092.272	46.757.244	3.928.901.079
Tại ngày 31/12/2015	1.629.060.190	1.206.510.776	103.863.975	15.049.886	2.954.484.828

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 472.153.216 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 322.598.605 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	1.500.000.000	1.500.000.000
Tại ngày 31/12/2015	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	300.000.001	300.000.001
Khấu hao trong năm	150.000.011	150.000.011
Tại ngày 31/12/2015	450.000.012	450.000.012
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2015	1.199.999.999	1.199.999.999
Tại ngày 31/12/2015	1.049.999.988	1.049.999.988

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Thắp sáng tương lai Hưng Vượng	4.429.590.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.038.145.164	5.091.313.683
Phải trả cho các đối tượng khác	4.512.732.211	9.275.236.206
<b>Cộng</b>	<b>10.980.467.375</b>	<b>14.366.549.889</b>

Công ty xác định có khả năng trả nợ 100% tất cả các khoản nợ phải trả người bán.

**9. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước**

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	13.246.224	11.055.530.448	11.068.776.672	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	306.530.957	1.491.045.915	306.530.957	1.491.045.915
Thuế thu nhập cá nhân	21.269.400	11.265.385	21.269.400	11.265.385
Thuế Bảo vệ môi trường	1.856.400	-	1.856.400	-
Các loại thuế khác	-	5.493.398	5.493.398	-
<b>Cộng</b>	<b>342.902.981</b>	<b>12.563.335.146</b>	<b>11.403.926.827</b>	<b>1.502.311.300</b>

**10. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Bảo hiểm xã hội	49.221.720	48.415.659
<b>Cộng</b>	<b>49.221.720</b>	<b>48.415.659</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2015	Tăng	Giảm	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (a)	27.495.000.000	71.586.457.401	62.090.457.401	17.999.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (b)	17.999.973.000	43.621.734.835	42.694.761.835	17.073.000.000
<b>Cộng Vay ngắn hạn</b>	<b>45.494.973.000</b>	<b>115.208.192.236</b>	<b>104.785.219.236</b>	<b>35.072.000.000</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.12)	231.000.000			465.437.600
<b>Cộng vay và nợ tài chính ngắn hạn</b>	<b>45.725.973.000</b>			<b>35.537.437.600</b>

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản vay và nợ ngắn hạn khi đến hạn.

- (a): Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2500LAV201500472 ngày 16 tháng 11 năm 2015. Tổng hạn mức tín dụng là 27.500.000.000 đồng, thời hạn là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay và lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp quyền sử dụng đất bên thứ ba và thế chấp tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 20704198/HĐTC ngày 02 tháng 08 năm 2012 và hợp đồng thế chấp số 40608016/HĐTC ngày 11 tháng 08 năm 2014.
- (b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 057/15/HM/BG ngày 08 tháng 06 năm 2015. Tổng hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng, thời hạn là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm nhận nợ theo thông báo lãi của ngân hàng và được điều chỉnh 03 tháng/ lần. Mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 358/13/HĐTC/BG ngày 6 tháng 11 năm 2013, số 206/13/HĐTC/BG ngày 20 tháng 08 năm 2013 và số 213/13/HĐTC/BG ngày 26 tháng 08 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2015 VND	Tăng VND	Giảm VND	01/01/2015 VND
<b>Vay dài hạn</b>	-	-	35.724.000	35.724.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Bắc Giang	-	-	35.724.000	35.724.000
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	442.750.000	17.558	231.000.000	673.732.442
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	442.750.000	17.558	231.000.000	673.732.442
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	442.750.000	17.558	266.724.000	709.456.442
<b>Trừ: Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	(231.000.000)			(465.437.600)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Bắc Giang	-			(35.724.000)
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(231.000.000)			(429.713.600)
<b>Cộng Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>211.750.000</b>			<b>244.018.842</b>

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn khi đến hạn.

**(\*) Nợ dài hạn Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng:**

- Hợp đồng số 103.12.03/CTTC\_HĐKT ngày 20 tháng 9 năm 2012, tổng giá trị tài sản: 1.500.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng 150.000.000 đồng. Điều kiện thanh toán: Bên mua thanh toán cho bên Bán số tiền tương đương 30% (số tiền này do bên thuê tài chính thay mặt cho bên mua thanh toán cho bên bán), thanh toán 70% ngay sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ: chứng từ xác nhận tiền ký quỹ, hóa đơn, giấy đề nghị chuyển tiền, giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản. Thời gian bàn giao tháng 9 năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo biểu lịch sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vay dài hạn	-	35.724.000
Trong vòng một năm		
Nợ thuê tài chính dài hạn	231.000.000	-
Trong vòng một năm	211.750.000	673.732.442
Trong năm thứ hai	442.750.000	709.456.442
<b>Cộng</b>	<b>442.750.000</b>	<b>709.456.442</b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	22.000.000.000	(885.112.990)	21.114.887.010
Lợi nhuận tăng trong năm	-	2.095.400.896	2.095.400.896
Số dư tại ngày 31/12/2014	22.000.000.000	1.210.287.906	23.210.287.906
Vốn góp tăng trong năm (*)	86.000.000.000	-	86.000.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	4.958.605.951	4.958.605.951
Số dư tại ngày 31/12/2015	<b>108.000.000.000</b>	<b>6.168.893.857</b>	<b>114.168.893.857</b>

(\*) Vốn góp tăng trong năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Vốn đã góp			
	31/12/2015		01/01/2015	
	VND	%	VND	%
Võ Anh Thái	22.780.000.000	21%	16.280.000.000	74%
Lê Minh Hiếu	12.000.000.000	11%	5.500.000.000	25%
Lê Thị Hồng Loan	6.720.000.000	6%	220.000.000	1%
Các cổ đông khác	66.500.000.000	62%	-	0%
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Cổ phần**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.800.000	2.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.800.000	2.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.800.000	2.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.800.000	2.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>110.586.863.821</b>	<b>120.247.917.092</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	110.586.863.821	120.177.262.319
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	70.654.773

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	103.184.713.754	119.928.476.741
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	103.212.836	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(378.904.794)	-
<b>Cộng</b>	<b>102.909.021.796</b>	<b>119.928.476.741</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.918.967	12.152.332.608
Lãi đầu tư cổ phiếu	8.192.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.196.918.967</b>	<b>12.152.332.608</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	3.024.601.725	3.336.662.225
<b>Cộng</b>	<b>3.024.601.725</b>	<b>3.336.662.225</b>

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.449.651.866	2.617.011.682
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	327.829.564	221.275.538
<i>Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập tính thuế</i>	327.829.564	221.275.538
Thu nhập chịu thuế	6.777.481.430	2.838.287.220
Chuyển lỗ và bù trừ lãi lỗ	-	(467.329.100)
Thu nhập tính thuế	6.777.481.430	2.370.958.120
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.491.045.915	521.610.786
<i>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</i>	1.491.045.915	521.610.786
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.491.045.915</b>	<b>521.610.786</b>

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.958.605.951	2.095.400.896
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.958.605.951	2.095.400.896
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	5.663.562	2.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>876</b>	<b>952</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

**Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.200.000	2.200.000
Ảnh hưởng do cổ đông rút vốn trong năm	-	-
Ảnh hưởng do phát hành cổ phiếu	3.463.562	-
Ảnh hưởng do mua lại cổ phiếu quỹ	-	-
Ảnh hưởng do tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong</b>	<b>5.663.562</b>	<b>2.200.000</b>

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân công	2.353.101.977	1.619.950.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.124.416.262	1.265.107.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.642.592.812	3.430.088.848
Chi phí khác bằng tiền	280.546.350	902.951.528
<b>Cộng</b>	<b>6.400.657.401</b>	<b>7.218.099.052</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là:

Bộ phận kinh doanh khí gas hóa lỏng LPG.  
Bộ phận sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết.

Tuy nhiên, doanh thu của Bộ phận sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của Công ty. Do đó, Công ty không thực hiện trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Lô D1 khu công nghiệp Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**2. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11, V.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**1. Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	45.937.723.000	35.781.456.442
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	210.169.491	555.156.974
Nợ thuần	45.727.553.509	35.226.299.468
Vốn chủ sở hữu	114.168.893.857	23.210.287.906
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>40,05%</b>	<b>151,77%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	210.169.491	555.156.974
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.419.751.232	55.851.551.841
<b>Cộng</b>	<b>103.629.920.723</b>	<b>56.406.708.815</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	45.937.723.000	35.781.456.442
Phải trả người bán và phải trả khác	11.244.768.924	14.630.045.377
<b>Cộng</b>	<b>57.182.491.924</b>	<b>50.411.501.819</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÀU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2015</b>				
Tiền	210.169.491	-	-	210.169.491
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.859.751.232	560.000.000	-	103.419.751.232
<b>Cộng</b>	<b>103.069.920.723</b>	<b>560.000.000</b>	-	<b>103.629.920.723</b>
<b>31/12/2015</b>				
Các khoản vay	45.725.973.000	211.750.000	-	45.937.723.000
Phải trả người bán và phải trả khác	11.244.768.924	-	-	11.244.768.924
<b>Cộng</b>	<b>56.970.741.924</b>	<b>211.750.000</b>	-	<b>57.182.491.924</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>46.099.178.799</b>	<b>348.250.000</b>	-	<b>46.447.428.799</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>01/01/2015</b>				
Tiền	555.156.974	-	-	555.156.974
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.291.551.841	560.000.000	-	55.851.551.841
<b>Cộng</b>	<b>55.846.708.815</b>	<b>560.000.000</b>	-	<b>56.406.708.815</b>
<b>01/01/2015</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	14.630.045.377	-	-	14.630.045.377
Các khoản vay	35.537.437.600	244.018.842	-	35.781.456.442
<b>Cộng</b>	<b>50.167.482.977</b>	<b>244.018.842</b>	-	<b>50.411.501.819</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>5.679.225.838</b>	<b>315.981.158</b>	-	<b>5.995.206.996</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**3. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

Võ Anh Thái  
 Lê Minh Hiếu  
 Nguyễn Thị Xuân Phương  
 Công ty Cổ phần Khí đốt Thái Dương  
 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Thái Dương

**Mối quan hệ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Tổng Giám đốc  
 Vợ ông Lê Minh Hiếu  
 Cùng chủ sở hữu  
 Cùng chủ sở hữu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Bán hàng</b>	24.990.909.091	6.064.053.636
Công ty Cổ phần Khí Đốt Thái Dương	24.509.090.909	6.064.053.636
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Thái Dương	481.818.182	-
	<b>35.094.163.289</b>	<b>528.018.779</b>
<b>Mua hàng</b>	34.457.799.653	528.018.779
Công ty Cổ phần Khí Đốt Thái Dương	636.363.636	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Thái Dương	-	-
<b>Vay ngắn hạn trong năm</b>	-	41.000.000.000
Võ Anh Thái	-	20.000.000.000
Lê Minh Hiếu	-	21.000.000.000
<b>Cho vay ngắn hạn trong năm</b>	-	22.800.000.000
Nguyễn Thị Xuân Phương	-	22.800.000.000
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	-	2.400.000.000
Nguyễn Thị Xuân Phương	-	2.400.000.000

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Các khoản phải thu</b>	4.469.362.569	-
Công ty Cổ phần Khí Đốt Thái Dương	4.469.362.569	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Thái Dương	-	-
<b>Tạm ứng</b>	3.500.000.000	4.000.000.000
Võ Anh Thái	1.500.000.000	2.000.000.000
Lê Minh Hiếu	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Các khoản phải trả</b>	-	60.000.000
Công ty Cổ phần Khí Đốt Thái Dương	-	60.000.000
<b>Cho vay ngắn hạn</b>	-	12.800.000.000
Nguyễn Thị Xuân Phương	-	12.800.000.000

*Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:*

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương, thưởng và phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc	240.000.000	224.000.000
Lương, thưởng và phụ cấp của Hội đồng Quản trị	240.000.000	224.000.000
<b>Cộng</b>	<b>480.000.000</b>	<b>448.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Khoản công nợ phải thu của ông Nguyễn Mậu Hoàng với số tiền 94.200.000.000 đồng theo thuyết minh V.2 đã được thanh toán 92.190.000.000 đồng qua ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Sở Giao dịch từ ngày 24 tháng 03 năm 2016 đến ngày 26 tháng 03 năm 2016 và 2.010.000.000 đồng qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Quang Trung ngày 23 tháng 03 năm 2016.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế. Một số chỉ tiêu tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 của Bảng cân đối kế toán được phân loại và điều chỉnh cho phù hợp với thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

TÀI SẢN	Số liệu trình bày tại 31/12/2014 (số kiểm toán)		Thay đổi	Số liệu trình bày tại 01/01/2015 (số trình bày)	
	Mã số	Số tiền		Số tiền	Mã số
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>57.911.714.397</b>	-	<b>100</b>	<b>57.911.714.397</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	555.156.974	-	110	555.156.974
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	51.200.000.000	(51.200.000.000)		-
1. Đầu tư ngắn hạn		51.200.000.000	(51.200.000.000)		-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	391.551.841	55.200.000.000	130	55.591.551.841
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	51.200.000.000	135	51.200.000.000
4. Các khoản phải thu khác	135	91.551.841	4.000.000.000	136	4.091.551.841
IV. Hàng tồn kho	140	1.637.606.845	-	140	1.637.606.845
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.127.398.737	(4.000.000.000)	150	127.398.737
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.000.000.000	(4.000.000.000)		-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>16.299.364.012</b>	-	<b>200</b>	<b>16.299.364.012</b>
I Các khoản phải thu dài hạn		-	560.000.000	210	560.000.000
1. Phải thu dài hạn khác		-	560.000.000	216	560.000.000
II. Tài sản cố định	220	5.128.901.078	-	220	5.128.901.078
III Tài sản dài hạn khác	260	11.170.462.934	(560.000.000)	260	10.610.462.934
2. Tài sản dài hạn khác	268	560.000.000	(560.000.000)		-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>74.211.078.409</b>	-		<b>74.211.078.409</b>

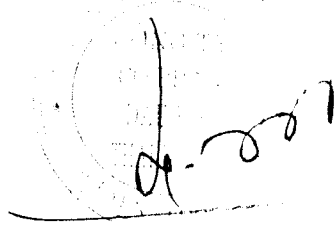


**Lê Thị Hải**  
 Người lập

Ngày 31 tháng 03 năm 2016



**Nguyễn Thị Linh Hương**  
 Kế toán trưởng



**Lê Minh Hiếu**  
 Tổng Giám đốc